



25-CTr/TU
Tỉnh ủy Gia Lai

TỈNH ỦY GIA LAI

*

Số 25-CTr/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Gia Lai, ngày 15 tháng 10 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2026 của
Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn
trong kỷ nguyên mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030,
định hướng đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 26-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 26-NQ/TW; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò của du lịch trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao đời sống Nhân dân và quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hóa Gia Lai.

- Đổi mới phương thức phát triển du lịch từ chú trọng số lượng sang chất lượng, giá trị gia tăng, thời gian lưu trú, mức chi tiêu, trải nghiệm và mức độ hài lòng của du khách; phát triển du lịch như một hệ sinh thái kinh tế tổng hợp, lấy văn hóa làm nền tảng, doanh nghiệp là lực lượng nòng cốt, người dân là chủ thể tham gia và thụ hưởng, quản trị dựa trên dữ liệu, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình đảm bảo bám sát Nghị quyết số 26-NQ/TW và các chủ trương, định hướng phát triển của tỉnh; xác định 5 rõ “rõ sản phẩm, rõ địa bàn, rõ nguồn lực, rõ đầu ra và đo được hiệu quả kinh tế” và 3 không “không đầu tư du lịch khi chưa xác định sản phẩm và thị trường; không tổ chức sự kiện chỉ để có sự kiện; không xây dựng điểm du lịch nếu không có doanh nghiệp vận hành”. Ưu tiên nhiệm vụ có khả năng lan tỏa, tạo giá trị gia tăng, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu của khách du lịch.

II - QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển du lịch trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; lấy chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, tính khác biệt và năng lực cạnh tranh làm trọng tâm; bảo đảm phát triển nhanh, bền vững và có trách nhiệm.

- Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, quy hoạch, đầu tư hạ tầng công thiết yếu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, xúc tiến điểm đến và bảo tồn tài nguyên, môi trường; doanh nghiệp là lực lượng nòng cốt trong đầu tư, tạo sản phẩm, vận hành, bán sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ; người dân tham gia cung ứng dịch vụ, bảo tồn văn hóa và được thụ hưởng từ phát triển du lịch.

- Lấy văn hóa, bản sắc và chất lượng trải nghiệm làm lợi thế cạnh tranh; gắn du lịch với công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản, thể thao, sự kiện, khoa học - giáo dục, nông nghiệp, ẩm thực, thương mại và các ngành dịch vụ để hình thành chuỗi giá trị và hệ sinh thái du lịch đồng bộ.

- Phát huy lợi thế không gian tỉnh mới, tạo liên kết thống nhất giữa biển - đô thị - đảo - bán đảo với cao nguyên - rừng - hồ - văn hóa; tăng kết nối theo trục Đông - Tây và các hành lang phát triển, tạo hành trình liên hoàn có khả năng giữ khách, kéo dài lưu trú và tăng chi tiêu.

- Quản trị du lịch dựa trên dữ liệu, chuyển đổi số, tiêu chí điểm đến xanh và cơ chế phối hợp liên ngành; kiểm soát sức chịu tải tài nguyên, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và lợi ích lâu dài của cộng đồng.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển du lịch Gia Lai thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là một trong các động lực tăng trưởng và dịch chuyển cơ cấu kinh tế của tỉnh; hình thành điểm đến có chất lượng, xanh, thông minh, sáng tạo, giàu bản sắc và có sức cạnh tranh cao. Tạo chuyển biến rõ nét từ tăng trưởng theo số lượng sang tăng trưởng theo giá trị; kết nối hiệu quả tài nguyên biển, đô thị, cao nguyên, rừng, hồ, di sản và văn hóa thành các sản phẩm có khả năng thương mại hóa, khai thác hiệu quả.

Định vị thương hiệu điểm đến theo thông điệp “Gia Lai - Đại ngàn chạm biển xanh”, hướng tới mô hình: một điểm đến - hai không gian du lịch chủ đạo - năm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm - sáu sản phẩm du lịch chủ lực.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 - Mục tiêu đến năm 2030

Đến năm 2030, củng cố vai trò của Quy Nhơn là trung tâm du lịch quan trọng của tỉnh; từng bước hoàn thiện quy hoạch, hạ tầng và điều kiện phát triển Phương Mai, Biển Hồ - Chư Đăng Ya theo định hướng khu du lịch quốc gia; hình thành rõ nét hai không gian du lịch chủ đạo và phát triển 06 nhóm sản phẩm du lịch chủ lực. Phân đầu đạt các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030
1	Khách du lịch	18,5 triệu lượt
2	Khách quốc tế	1,1 triệu lượt
3	Tổng doanh thu du lịch	45.500 tỷ đồng
4	Thời gian lưu trú bình quân	Từ 3 ngày trở lên
5	Cơ sở lưu trú du lịch	Khoảng 33.000 phòng
6	Lao động trực tiếp phục vụ du lịch qua đào tạo, bồi dưỡng	Trên 25.000 lao động
7	Điểm đến trọng điểm được số hóa	20 - 30 điểm
8	Điểm đến áp dụng tiêu chí/giải pháp du lịch xanh	Từ 20 điểm trở lên
9	Nhóm sản phẩm du lịch chủ lực	06 nhóm
10	Sản phẩm đặc trưng cấp địa phương	Mỗi địa phương có tiềm năng du lịch có ít nhất 01 sản phẩm
11	Sự kiện du lịch có khả năng thu hút khách	Hình thành 5 - 7 sự kiện thường niên
12	Tuyến/tour liên kết biển - đại ngàn	Ít nhất 05 tuyến/tour

Ngoài các chỉ tiêu nêu trên, hằng năm theo dõi, đánh giá thêm các chỉ số phản ánh chất lượng tăng trưởng như chỉ tiêu bình quân/khách, tỷ lệ khách lưu trú, công suất phòng, tỷ lệ khách quay lại, tỷ lệ khách sử dụng tour liên kết liên vùng và số doanh nghiệp tham gia chuỗi liên kết du lịch.

2.2.2 - Mục tiêu đến năm 2045

Gia Lai trở thành điểm đến du lịch hàng đầu Việt Nam và khu vực, là một trong những trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển, sinh thái cao cấp, sáng tạo, xanh, thông minh gắn với các giá trị di sản văn hóa và lịch sử trên địa bàn.

III - NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền về phát triển du lịch

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị.

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển du lịch, chuyển từ phát triển theo chiều rộng, chú trọng số lượng sang phát triển theo chiều sâu, lấy chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, trải nghiệm của du khách và tính bền vững làm trọng tâm; chuyển từ khai thác tài nguyên đơn thuần sang phát triển hệ sinh thái du lịch, dịch vụ tổng hợp và chuỗi giá trị du lịch đồng bộ.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị đưa nhiệm vụ phát triển du lịch vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; gắn với quy hoạch, đầu tư công, phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển văn hóa, thể thao, thương mại, dịch vụ và xây dựng nông thôn mới.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển du lịch.

- Phát huy vai trò của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, các nghệ nhân, người có uy tín trong bảo tồn văn hóa, xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện, an toàn, xanh, sạch, đẹp; xây dựng hình ảnh “Mỗi người dân là một Đại sứ du lịch Gia Lai”.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; phát triển hạ tầng và cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch - kiến tạo điểm đến và hạ tầng du lịch chiến lược

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và môi trường đầu tư; ưu tiên thu hút nhà đầu tư có năng lực đối với các dự án nghỉ dưỡng biển, vui chơi giải trí, thương mại, MICE (du lịch kết hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện), thể thao, văn hóa, sinh thái, chăm sóc sức khỏe và các dự án có khả năng tạo giá trị gia tăng cao.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch trục Quy Nhơn - Pleiku kết nối hai không gian du lịch; các tuyến kết nối sân bay, cảng biển với trung tâm du lịch; các tuyến vào Biển Hồ - Chư Đăng Ya, Vườn quốc gia Kon Ka Kinh gần với thác K50, An Khê - Tây Sơn và các làng du lịch cộng đồng.

- Quan tâm đầu tư, hoàn thiện hạ tầng thiết yếu tại các điểm đến trọng điểm,

nhất là đường giao thông, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh, nước sạch, thu gom rác thải, biển chỉ dẫn, bảng thông tin, kết nối viễn thông, cảnh quan, dịch vụ ăn uống và các sản phẩm phục vụ khách; ưu tiên xử lý các điểm nghẽn ảnh hưởng trực tiếp đến trải nghiệm du khách.

- Khuyến khích phát triển có chọn lọc không gian công cộng, kinh tế ban đêm, hạ tầng phục vụ khách tàu biển và các tuyến kết nối sau cảng; nghiên cứu hình thành hành trình riêng dành cho khách du lịch tàu biển theo tuyến Quy Nhơn - Tây Sơn - Pleiku - Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng phù hợp điều kiện thực tế.

- Hằng năm, lựa chọn một số điểm đến có tiềm năng, khả năng thu hút khách và điều kiện tổ chức khai thác để tập trung hoàn thiện hạ tầng thiết yếu, cảnh quan, môi trường, chất lượng dịch vụ và phương thức quản lý, vận hành; từng bước hình thành các điểm đến tiêu biểu, có sức cạnh tranh và khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức không gian du lịch và phát triển sản phẩm du lịch chủ lực

3.1. Tổ chức không gian du lịch của tỉnh thành hai không gian du lịch chủ đạo

- Không gian biển - đô thị - đảo - bán đảo: Trọng tâm là Quy Nhơn, Phương Mai, Quy Nhơn Nam, Nhơn Lý - Nhơn Hải - Nhơn Châu, Cát Tiến - Hoài Nhơn Bắc; ưu tiên phát triển du lịch biển, nghỉ dưỡng, đô thị, thể thao biển, tàu biển, MICE, khoa học - giáo dục, ẩm thực, mua sắm, vui chơi giải trí và kinh tế ban đêm.

- Không gian cao nguyên - rừng - hồ - văn hóa: Trọng tâm là Pleiku - Biển Hồ - Chư Đăng Ya, Kon Hà Nừng - Kon Ka Kinh - K50, An Khê - Tây Sơn, các làng văn hóa cộng đồng và các địa bàn có tài nguyên nông nghiệp, sinh thái, lịch sử; phát triển du lịch văn hóa Tây Nguyên, công chiêng, Chăm, Tây Sơn, Võ cổ truyền, khảo cổ, sinh thái rừng - hồ, nông nghiệp, cộng đồng và kết nối cửa khẩu phù hợp quy định.

Hai không gian được liên kết thành hành trình thống nhất theo trục biển - đô thị - văn hóa - đại ngàn; lấy Quy Nhơn làm cửa ngõ đón khách, phát huy hệ thống sản phẩm văn hóa để tạo trải nghiệm, kết nối cao nguyên để kéo dài lưu trú và phát triển dịch vụ, ẩm thực, mua sắm, sự kiện để tăng chi tiêu.

3.2. Phát triển sản phẩm du lịch chủ lực

Phát triển 06 sản phẩm du lịch chủ lực có tính đặc trưng, khả năng cạnh tranh và tạo giá trị gia tăng cao, gồm:

- Du lịch biển - nghỉ dưỡng - đô thị - kinh tế ban đêm: Phát triển tập trung

Quy Nhơn, Phương Mai, Quy Nhơn Nam và dải ven biển; phát triển nghỉ dưỡng biển cao cấp, ẩm thực, mua sắm, giải trí ban đêm, thể thao biển, du thuyền, sự kiện và dịch vụ chất lượng cao.

- Du lịch “Đại ngàn” - sinh thái - rừng - hồ: Phát triển tập trung tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng, trong đó trọng tâm là Vườn quốc gia Kon Ka Kinh gắn với thác K50, cùng Biển Hồ, Chư Đăng Ya; phát triển theo nguyên tắc bảo vệ hệ sinh thái, kiểm soát sức chịu tải, hạn chế xây dựng đại trà trong khu vực nhạy cảm.

- Du lịch văn hóa - di sản - công nghiệp văn hóa: Khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa, lịch sử, di sản, tạo bản sắc và sự khác biệt của du lịch Gia Lai; kết nối, phát huy giá trị văn hóa Sa Huỳnh - Chăm Pa - Tây Sơn - Võ cổ truyền - văn hóa Tây Nguyên - công chiêng để hình thành các tuyến, sản phẩm du lịch đặc sắc. Phát triển bảo tàng, biểu diễn nghệ thuật, đêm văn hóa, trải nghiệm làng, hoạt động trải nghiệm, thực hành, thổ cẩm, ẩm thực, điện ảnh, phim trường và các sản phẩm công nghiệp văn hóa, sáng tạo gắn với du lịch; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, bảo đảm tính chân thực, không sân khấu hóa, làm biến dạng giá trị văn hóa.

- Du lịch thể thao - kinh tế sự kiện: Phát triển sản phẩm gắn với Võ cổ truyền, golf, marathon, kickboxing, thể thao biển, địa hình, đua thuyền; tổ chức sự kiện theo chuỗi giá trị khách đến - lưu trú - ăn uống - tham quan - mua sắm - truyền thông, hướng tới sản phẩm thường niên.

- Du lịch MICE - khoa học - giáo dục: Phát huy lợi thế ICISE, Tổ hợp Không gian khoa học, hệ thống hội nghị, hội thảo, triển lãm, nghiên cứu và giáo dục trải nghiệm; phát triển sản phẩm “Meet in Gia Lai - Discover Gia Lai”, kết nối hội nghị tại Quy Nhơn với hành trình khám phá đại ngàn.

- Du lịch chăm sóc sức khỏe - nghỉ dưỡng - phục hồi sức khỏe: Khai thác có chọn lọc tài nguyên khoáng nóng, thảo dược, nghỉ dưỡng, thiền, yoga, phục hồi sức khỏe và thể thao; gắn với hệ thống y tế, cơ sở chăm sóc sức khỏe phù hợp quy định.

- Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch chủ lực theo hướng chuyên nghiệp, có tính đặc trưng, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao; gắn phát triển sản phẩm với nhu cầu thị trường, khả năng kết nối, năng lực cung ứng dịch vụ và điều kiện khai thác thực tế của từng địa bàn. Ưu tiên hình thành các sản phẩm, tuyến du lịch liên kết giữa không gian biển, đô thị, văn hóa, lịch sử và cao nguyên; phát huy vai trò của doanh nghiệp trong đầu tư, xây dựng, khai thác và đưa sản phẩm ra thị trường.

- Khuyến khích phát triển các sản phẩm du lịch mới gắn với kinh tế di sản,

công nghiệp văn hóa, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng và các hoạt động trải nghiệm bản sắc văn hóa địa phương; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy giá trị di sản, bảo vệ tài nguyên, môi trường và lợi ích của cộng đồng dân cư.

3.3. Triển khai chương trình “Mỗi địa phương một sản phẩm du lịch - mỗi sản phẩm một thị trường”

- Lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sản phẩm du lịch theo lợi thế đặc trưng của từng địa bàn, bảo đảm khác biệt, có khả năng nhận diện và kết nối thị trường. Mỗi địa phương có tiềm năng du lịch lựa chọn, xây dựng ít nhất một sản phẩm đặc trưng gắn với câu chuyện, trải nghiệm, bộ nhận diện, thị trường mục tiêu và chủ thể khai thác. Trong đó, Quy Nhơn tập trung du lịch biển, nghỉ dưỡng, ẩm thực, kinh tế ban đêm; Phương Mai phát triển du lịch biển, thể thao, nghỉ dưỡng; Nhơn Lý, Nhơn Hải phát huy không gian làng chài, ẩm thực biển và trải nghiệm cộng đồng; Pleiku phát triển sản phẩm gắn với văn hóa Tây Nguyên, công chiêng và không gian đô thị cao nguyên; Biển Hồ - Chư Đăng Ya gắn với cảnh quan hồ, địa chất - núi lửa, hoa dã quỳ và sinh thái; An Khê, Tây Sơn gắn với lịch sử, phong trào Tây Sơn và Võ cổ truyền; Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên phát triển du lịch rừng, sinh thái, trekking, cộng đồng; các làng nghề, vùng sản xuất và chủ thể OCOP phát triển sản phẩm trải nghiệm gắn với nghề truyền thống, nông nghiệp, ẩm thực và mua sắm sản phẩm địa phương... Phát triển sản phẩm phải gắn với thị trường, khả năng vận hành và hiệu quả kinh tế, góp phần kéo dài thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu và nâng cao thu nhập của người dân.

- Định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả khai thác các sản phẩm, điểm du lịch; chú trọng lượng khách, sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng và khả năng duy trì hoạt động để kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc công nhận điểm du lịch phải gắn với hiệu quả khai thác thực tế.

4. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến du lịch

Tập trung công tác quảng bá, xúc tiến du lịch ra thị trường quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tăng lượng khách quốc tế, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác xúc tiến, quảng bá và phát triển thị trường du lịch theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế; chuyển trọng tâm từ tăng số lượng khách sang đồng thời nâng cao thời gian lưu trú, mức chi tiêu, tỷ lệ khách quay lại và giá trị doanh thu trên mỗi khách.

- Xúc tiến du lịch theo thị trường trọng điểm với các sản phẩm du lịch đặc

trung; tăng cường kết nối hãng hàng không, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú, khu điểm du lịch; triển khai famtrip - presstrip (du lịch trải nghiệm kết hợp xúc tiến, quảng bá, giới thiệu địa điểm đến) truyền thông số và các chương trình hợp tác quốc tế có đầu ra cụ thể.

- Nghiên cứu khả năng mở rộng kết nối đường hàng không, đường bộ, đường biển và liên kết vùng theo quy định.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số; xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh - xanh - chuyên nghiệp

- Lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nâng cao tính chuyên nghiệp trong phát triển du lịch. Xây dựng, hoàn thiện hệ sinh thái dữ liệu và bản đồ du lịch số dùng chung của tỉnh, tích hợp thông tin về điểm đến, cơ sở lưu trú, dịch vụ, chương trình, tuyến du lịch liên kết, sự kiện, giao thông, vé và phản ánh của du khách; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu du lịch quốc gia, Bộ Công an, 34 tỉnh, thành phố và doanh nghiệp; từng bước thống nhất quản trị, cập nhật, khai thác dữ liệu phục vụ lãnh đạo, quản lý, dự báo thị trường, phát triển sản phẩm, xúc tiến, quảng bá và nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch.

- Tăng cường quản trị du lịch trên nền tảng dữ liệu, xây dựng bảng điều hành du lịch phục vụ quản trị, theo dõi khách đến, khách lưu trú, doanh thu, công suất phòng, thị trường, điểm đông khách và phản ánh của du khách; từng bước hình thành cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hiệp hội và địa phương.

- Thúc đẩy phát triển thanh toán xuyên biên giới trong du lịch, mở rộng thanh toán bằng thẻ quốc tế, mã QR, ví điện tử tại các cơ sở lưu trú, ăn uống, tham quan, vận tải, mua sắm và dịch vụ du lịch; tạo thuận lợi cho khách quốc tế, góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

- Đẩy mạnh số hóa 20 - 30 điểm đến trọng điểm; triển khai mã QR, thuyết minh đa ngôn ngữ, bản đồ số, nội dung lịch sử - văn hóa và công nghệ AR/VR tại nơi phù hợp; tiếp tục triển khai Bảo tàng số tại Bảo tàng Quang Trung và ứng dụng công nghệ tại các điểm đến sinh thái, văn hóa.

- Phát triển du lịch xanh, có trách nhiệm, xây dựng, triển khai bộ tiêu chí/giải pháp “Điểm đến xanh Gia Lai”, tập trung vào giảm sản phẩm nhựa dùng một lần, giữ gìn cảnh quan, sử dụng năng lượng sạch và tiết kiệm, giao thông xanh và sức chịu tải môi trường...; phấn đấu có từ 20 điểm đến áp dụng tiêu chí/giải pháp du lịch xanh vào năm 2030.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị du lịch chuyên

ng nghiệp, chú trọng đào tạo nghiệp vụ, ngoại ngữ, kỹ năng số, quản trị, marketing, an toàn và phát triển bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh và cộng đồng nâng cao năng lực, tham gia sâu vào chuỗi giá trị du lịch.

- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm, tiếp nhận và xử lý phản ánh của khách du lịch; xây dựng phương án ứng phó với khủng hoảng, thiên tai, cháy rừng, sự cố môi trường và các nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động du lịch.

IV - CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM

Tập trung triển khai 10 nhiệm vụ, chương trình, đề án trọng điểm có tính liên ngành, tạo động lực và sức lan tỏa cho phát triển du lịch tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ phải bảo đảm nguyên tắc “5 rõ, 3 không”; kế thừa các quy hoạch, đề án, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Có phụ lục cụ thể kèm theo)

V - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị để cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp, hiệu quả; bảo đảm nguồn lực cho phát triển du lịch; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong phạm vi phụ trách.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về phát triển du lịch bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn của tỉnh, tạo hành lang pháp lý để phát triển du lịch và các lĩnh vực có liên quan; tăng cường giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển du lịch; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, cộng đồng và người lao động trong phát triển du lịch.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 26-NQ/TW

và Chương trình hành động này trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân; định hướng công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự thống nhất trong nhận thức và đồng thuận trong xã hội bằng các hình thức thiết thực, phù hợp, hiệu quả.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này; rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phát triển du lịch; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và các chương trình, đề án có liên quan; ưu tiên bố trí, lồng ghép nguồn lực trong khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo);
- Các cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc của Trung ương (báo cáo);
- Các cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- CPVP, CVNC;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

Trần Thị Hồng Nga.228b

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Thái Đại Ngọc



PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM
PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nhiệm vụ trọng điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
A	NHÓM A - KIẾN TẠO ĐIỂM ĐẾN				
1	Đề án phát triển Phương Mai theo định hướng khu du lịch quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các địa phương và cơ quan liên quan	2026-2028: rà soát, xây dựng Đề án/lộ trình; 2028-2030: tổ chức thực hiện	(1) Đề án/lộ trình phát triển Phương Mai; (2) Phương án xử lý các nội dung quy hoạch có liên quan; (3) Kế hoạch đầu tư hạ tầng và danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên; (4) Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng điều kiện khu du lịch quốc gia và hồ sơ đề nghị công nhận khi đủ điều kiện.
2	Đề án phát triển Biên Hồ - Chư Đăng Ya theo định hướng khu du lịch quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; các địa phương và cơ quan liên quan	2026-2028: rà soát, xây dựng Đề án/lộ trình; 2028-2030: tổ chức thực hiện	(1) Đề án/lộ trình phát triển Biên Hồ - Chư Đăng Ya; (2) Phương án về phạm vi, không gian phát triển và quy hoạch có liên quan; (3) Kế hoạch đầu tư hạ tầng thiết yếu; (4) Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng điều kiện khu du lịch quốc gia và hồ sơ đề nghị công nhận khi đủ điều kiện.
3	Đề án tổng thể phát triển du lịch sinh thái Khu DTSQ Kon Hà Nừng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; các ban quản lý rừng, khu bảo tồn, vườn quốc gia; doanh nghiệp và các địa phương liên quan	2026-2027: xây dựng Đề án; 2027-2030: triển khai	(1) Đề án/ lộ trình phát triển du lịch sinh thái; (2) Các sản phẩm du lịch sinh thái, trải nghiệm, du lịch cộng đồng. (3) Danh mục hạ tầng, dịch vụ thiết yếu cần hoàn thiện.
B	NHÓM B - PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MŨI NHỌN				

STT	Nhiệm vụ trọng điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
4	Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các địa phương; hiệp hội, doanh nghiệp và đơn vị liên quan	2026-2030	(1) Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Chuỗi sản phẩm gắn với Sa Huỳnh, Chăm Pa, Tây Sơn, Võ cổ truyền, văn hóa Tây Nguyên, công chiêng, Bài chòi, Hát bội, bảo tàng, làng nghề, ẩm thực; (3) Các sản phẩm biểu diễn, trải nghiệm, quà tặng, sản phẩm sáng tạo và kinh tế ban đêm gắn với văn hoá.
5	Đề án phát triển du lịch biển - đô thị - tàu biển - MICE Quy Nhơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các đơn vị quản lý cảng; Hiệp hội Du lịch tỉnh; doanh nghiệp và địa phương liên quan	2026-2027: xây dựng Đề án; 2027-2030: triển khai	(1) Đề án phát triển sản phẩm du lịch Quy Nhơn; (2) Hệ thống sản phẩm biển, nghỉ dưỡng, ẩm thực, mua sắm, kinh tế ban đêm và MICE; (3) Các chương trình phục vụ khách tàu biển; (4) Các tuyến kết nối Quy Nhơn với Tây Sơn - An Khê - Pleiku - Biển Hồ - không gian đại ngàn.
6	Đề án phát triển du lịch thể thao và kinh tế sự kiện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính; Sở Công Thương; các địa phương; liên đoàn, hiệp hội thể thao; Hiệp hội Du lịch và doanh nghiệp liên quan	2026-2027: xây dựng Đề án; 2027-2030: triển khai	(1) Đề án phát triển du lịch thể thao và kinh tế sự kiện; (2) Danh mục các sự kiện có khả năng tổ chức thường niên; (3) Chương trình kết nối sự kiện với lưu trú, tham quan, ẩm thực, mua sắm và truyền thông.
7	Triển khai Đề án phát triển du lịch y tế giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; các địa phương, doanh nghiệp và đơn vị liên quan	2027-2028: xây dựng Đề án; 2028-2030: triển khai	(1) Kế hoạch triển khai (2) Danh mục tài nguyên, địa bàn và sản phẩm có khả năng khai thác; (3) Các sản phẩm nghỉ dưỡng, khoáng nóng, chăm sóc sức khỏe, phục hồi, thiền, yoga, thể thao và trải nghiệm phù hợp;
C	NHÓM C - MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ				

STT	Nhiệm vụ trọng điểm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
8	Chương trình thu hút khách quốc tế và tăng cường kết nối hàng không	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Xây dựng; Sở Ngoại vụ; Sở Tài chính; Sở Công Thương; Cảng hàng không Phù Cát; các hãng hàng không, doanh nghiệp lữ hành và đơn vị liên quan	2026-2030; triển khai và cập nhật hằng năm	(1) Chương trình phát triển thị trường khách quốc tế; (2) Kế hoạch xúc tiến theo từng thị trường và nhóm sản phẩm; (3) Chương trình liên kết hãng hàng không - lữ hành - điểm đến; (4) Báo cáo kết quả khách quốc tế, lưu trú và hiệu quả thị trường hằng năm.
9	Chương trình phát triển chuỗi giá trị và liên kết doanh nghiệp du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Công Thương; Sở Tài chính; Hiệp hội Du lịch tỉnh; hãng hàng không; doanh nghiệp lữ hành, lưu trú, vận tải, điểm đến, cơ sở dịch vụ; các địa phương	2026-2030; thực hiện thường xuyên	(1) Chương trình/cơ chế liên kết doanh nghiệp; (2) Các chương trình hợp tác giữa lữ hành - vận chuyển - hàng không - lưu trú - điểm đến - ẩm thực - thương mại; (3) Các tuyến, chương trình du lịch biển - đại ngàn, liên tỉnh, liên vùng được đưa vào khai thác; (4) Sản phẩm đặc trưng của các địa phương được kết nối vào chuỗi cung ứng và thị trường du lịch.
D	NHÓM D - ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG				
10	Đề án "Du lịch Gia Lai thông minh và điểm đến xanh"	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; các địa phương, Hiệp hội Du lịch và doanh nghiệp liên quan	2027-2028: xây dựng kiến trúc, kế hoạch triển khai; 2028-2030: thực hiện	(1) Đề án/kế hoạch phát triển du lịch thông minh và điểm đến xanh; (2) Bản đồ du lịch số thống nhất; (3) Số hóa 20-30 điểm đến trọng điểm, có QR, thuyết minh đa ngôn ngữ và các ứng dụng phù hợp; (4) Cơ sở dữ liệu và công cụ theo dõi, phân tích phục vụ quản trị du lịch; (5) Tiêu chí, giải pháp và các mô hình điểm đến xanh được triển khai, đánh giá, nhân rộng.

Ghi chú: Việc cụ thể hóa các nhiệm vụ, chương trình, đề án trọng điểm phải bảo đảm nguyên tắc “5 rõ, 3 không”; kế thừa các quy hoạch, đề án, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không lập trùng lặp và không dàn trải nguồn lực.